

**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẤN ĐỀ KẾT HÔN
CỦA NỮ CÔNG NHÂN NHẬP CƯ (Nghiên cứu trường hợp nữ công nhân ở
trụ tại khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TP.HCM)**

SV: Đoàn Mỹ Duyên; Nguyễn Thị Hạnh; Huỳnh Thị Diễm

Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) là một trung tâm kinh tế – xã hội lớn bậc nhất cả nước và là đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm khu vực phía Nam. Năm 2006, thành phố có 15 khu công nghiệp, khu chế xuất, thu hút được 1.092 dự án với vốn đầu tư khoảng 3,2 tỷ USD, 815 doanh nghiệp và giải quyết việc làm cho 200 nghìn lao động. Trong tổng số gần 7,7 triệu lao động công nghiệp cả nước thì TP. HCM chiếm gần 18%. Cơ hội việc làm TP. HCM là khá lớn, do vậy, thu hút mạnh mẽ nguồn nhân lực phổ thông từ các tỉnh, thành phố trong cả nước. Theo thống kê của Sở Lao động và Thương binh xã hội TP. HCM (8/2006) số lượng công nhân làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố là 342.718 người, trong đó lao động nữ là 240.505 người (chiếm 70,2%). Họ được thu hút vào những ngành nghề như dệt, may, da giày, thực phẩm...[10].

Liên quan đến công nhân nữ nhập cư, có rất nhiều cuộc nghiên cứu hoặc hội thảo về vấn đề sức khỏe, an toàn lao động, kỹ năng tay nghề, đời sống văn hóa tinh thần... Trong đó, có một vấn đề mà công nhân nữ đang làm việc tại các khu công nghiệp và khu chế xuất đang lo lắng và khó nói nhất chính là chuyện tìm đối tượng khác giới để xây dựng hạnh phúc cho riêng mình. Hiện nay, một thực tế đang xảy ra tại các khu công nghiệp và khu chế xuất là rất nhiều công nhân nữ đã đến tuổi lập gia đình nhưng vẫn còn độc thân và xu hướng này đang ngày càng có chiều hướng tăng cao. Ngoài ra, vì quan niệm kết hôn là việc riêng của nữ công nhân nên các doanh nghiệp hầu như không quan tâm đến vấn đề này, còn tổ chức công đoàn thì chưa giúp gì được nhiều.

Với những vấn đề đã đề cập trên đây, chúng tôi muốn thực hiện đề tài nghiên cứu về: *“Các yếu tố tác động đến việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư”*.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Quan niệm về hôn nhân của nữ công nhân nhập cư.
- Khảo sát về thu nhập và việc làm của nữ công nhân nhập cư.
- Thời gian và môi trường làm việc của nữ công nhân nhập cư.
- Tìm hiểu về sự phân bố nam nữ tại nơi làm việc và tại khu nhà trọ.
- Tìm hiểu các mối quan hệ xã hội của nữ công nhân nhập cư.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm hỗ trợ nhiều hơn về mặt đời sống tình cảm, vấn đề kết hôn của nữ công nhân nhập cư.

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các yếu tố tác động đến việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Nữ công nhân nhập cư đang làm việc tại khu chế xuất và ở trọ tại khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TPHCM.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TPHCM.

4. Giả thuyết nghiên cứu

- Đa số nữ công nhân nhập cư hiện nay đang có xu hướng lập gia đình muộn.
- Tỷ lệ mất cân bằng giới tính nam nữ tại nơi làm việc và tại khu nhà trọ gây khó khăn trong việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư.
- Thu nhập thấp và mức sống không cao ảnh hưởng đến cơ hội kết hôn của nữ công nhân nhập cư.
- Thời gian làm việc theo ca và tăng ca tác động đến cơ hội tìm kiếm bạn đời của nữ công nhân nhập cư.
- Những nữ công nhân nhập cư có nhiều mối quan hệ xã hội và phát huy được tính hiệu quả của của các mối quan hệ này sẽ dễ tìm được đối tượng để đi đến kết hôn hơn.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập thông tin sẵn có

Đề tài thu thập thông tin sẵn có từ các công trình nghiên cứu khoa học của các sinh viên đi trước hoặc các công trình đăng tải trên các tạp chí khoa học, báo chí, mạng internet, dựa vào nguồn thông tin này để phân tích, so sánh với kết quả nghiên cứu.

5.2. Phương pháp thu thập thông tin định lượng bằng bảng hỏi Anket

Dung lượng mẫu khảo sát là 300 theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất, đó là mẫu thuận tiện được phát cho 300 công nhân nữ tại khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. HCM. Các phiếu thu thập thông tin này đều được xử lý bằng phần mềm SPSS for Windows.

5.3. Phương pháp phỏng vấn sâu cá nhân

Trong đề tài này, chúng tôi sẽ tiến hành phỏng vấn sâu 05 nữ công nhân tại khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. HCM, tất cả trường hợp phỏng vấn sâu đều nằm trong dung lượng mẫu khảo sát định lượng.

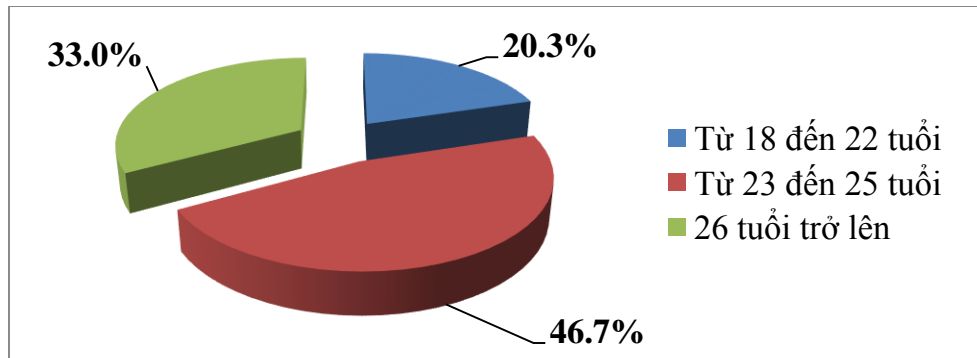
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu khảo sát 300 phiếu với 100% là nữ công nhân chưa kết hôn với các đặc điểm chính như sau:

1.1. Nhóm tuổi

Biểu đồ 1: Nhóm tuổi

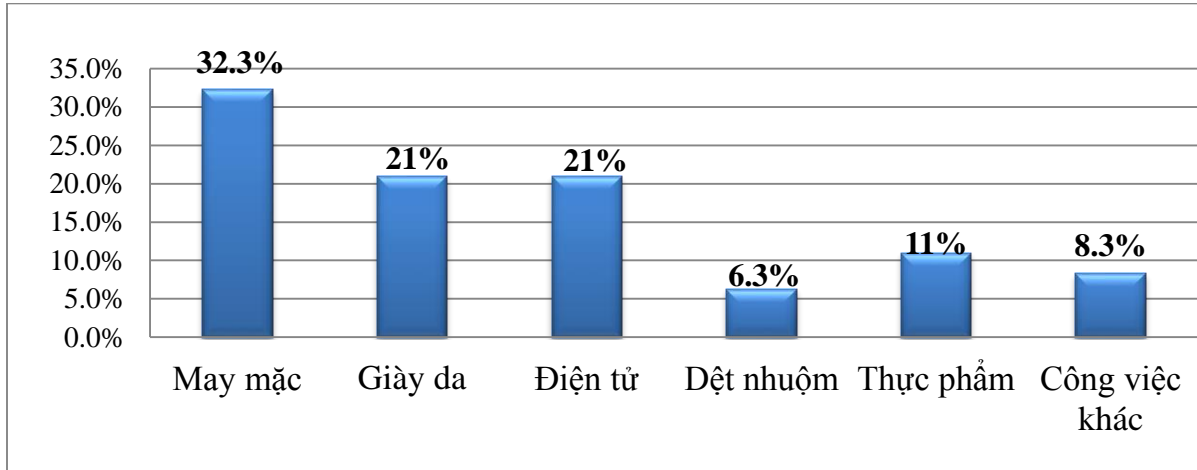


(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Với dung lượng mẫu là 300, kết quả khảo sát từ biểu đồ 1 cho thấy nữ công nhân có nhóm tuổi từ 23 đến 25 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 46,7%. Bên cạnh đó, nữ công nhân có độ tuổi từ 26 tuổi trở lên cũng chiếm tỷ lệ khá cao với 33% và chiếm tỷ lệ thấp nhất là nhóm tuổi từ 18 đến 22 tuổi với 20,3%. Hầu hết các nữ công nhân đều đang còn rất trẻ, họ vẫn còn đang trong độ tuổi có nhiều sức khỏe có thể đóng góp sức lao động cho các công ty, xí nghiệp, nâng cao nền kinh tế gia đình cũng như xã hội, đất nước.

1.2. Công việc

Biểu đồ 2: Công việc

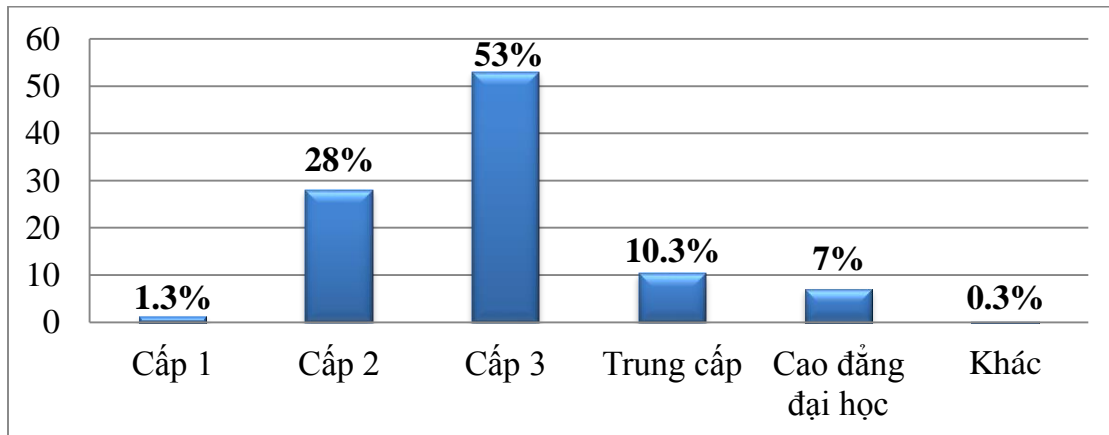


(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Theo kết quả khảo sát từ biểu đồ 2 cho thấy, đa số nữ công nhân lựa chọn công việc may mặc chiếm tỷ lệ cao nhất với 32,3%. Công việc mà đa phần nữ công nhân chọn đòi hỏi sự tỉ mỉ, nhẫn nại và có chút hoa văn. Công việc tuy nhẹ nhàng nhưng cũng cần có sự tập trung cao và cũng giúp nữ công nhân dễ dàng tiếp cận công việc hơn.

1.3. Trình độ học vấn

Biểu đồ 3: Trình độ học vấn



(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Trong quá trình tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng của các khu công nghiệp, khu chế xuất, nhóm nghiên cứu nhận thấy đa số yêu cầu tuyển dụng nữ công nhân có trình độ học vấn từ cấp 2 trở lên. Nhưng biểu đồ 3 cho thấy, phần lớn nữ công nhân đều có trình độ học vấn cấp 3, chiếm tỷ lệ cao nhất là 53%. Và trình độ học vấn cấp 1 chiếm tỷ lệ thấp nhất là 1,3%.

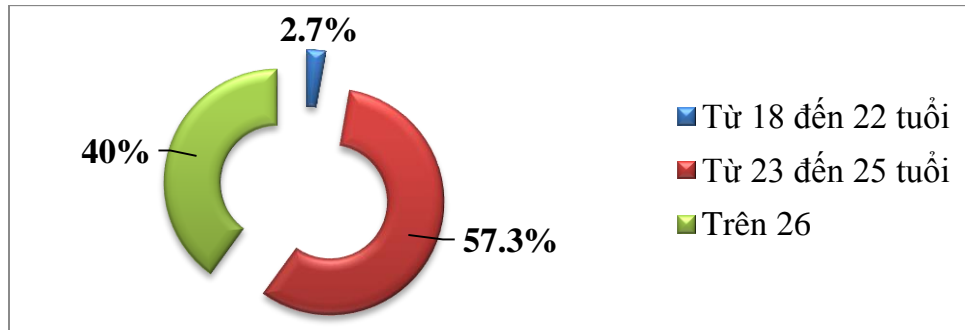
Như vậy, đa số nữ công nhân trước khi di cư đến thành phố làm việc, họ cũng đã tự trang bị cho bản thân trình độ tương đối để có thể dễ dàng tìm kiếm việc làm.

2. Các yếu tố tác động đến việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư

2.1. Quan niệm về hôn nhân của nữ công nhân

2.1.1. Quan niệm về nhóm tuổi phù hợp để kết hôn

Biểu đồ 4: Quan niệm về nhóm tuổi phù hợp để kết hôn của nữ công nhân



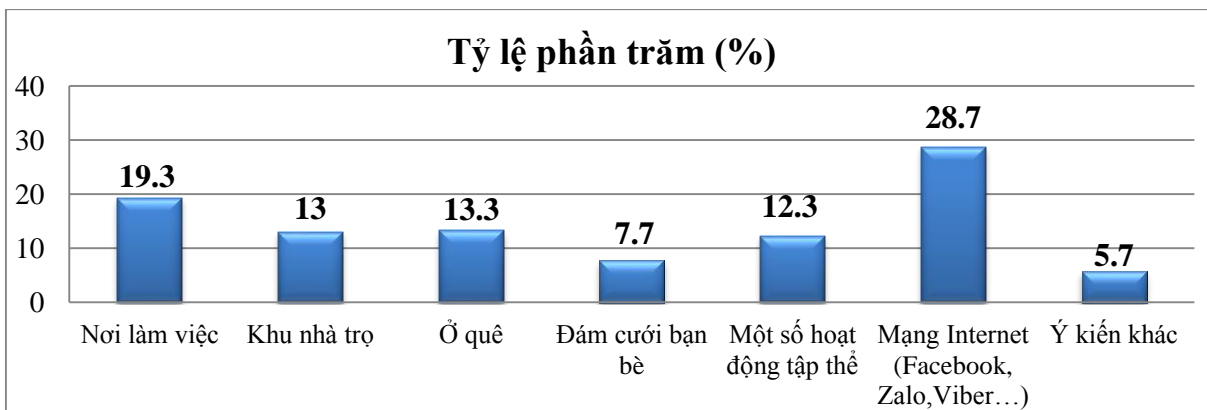
(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Từ biểu đồ 4, phần lớn nữ công nhân quan niệm rằng từ 23 đến 25 tuổi là nhóm tuổi phù hợp nhất cho việc kết hôn chiếm tỷ lệ 57,3%, tiếp đến là nhóm tuổi trên 26 tuổi cũng chiếm tỷ lệ khá cao 40%. Qua đó ta nhận thấy rằng nữ công nhân đã có định hướng rõ rệt về độ tuổi kết hôn phù hợp.

Chia sẻ của một nữ công nhân về độ tuổi phù hợp để kết hôn: “Lúc đầy kinh tế người ta cũng ổn định, rồi người ta cũng có tâm lý yên tâm hơn, lúc cuộc sống chưa ổn định, còn trẻ quá thì nhiều khi lấy về gia đình không bền vững.” [Trường hợp PVS 3, nữ công nhân 24 tuổi, Thanh Hóa]

2.1.2. Quan niệm về nơi để tìm bạn trai nhất đối với nữ công nhân

Biểu đồ 5: Nơi để tìm bạn trai nhất đối với nữ công nhân



(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Từ kết quả biểu đồ 5, theo nữ công nhân, nơi dễ tìm bạn trai nhất là mạng Internet (Facebook, Zalo, Viber...) chiếm tỷ lệ cao nhất với 28,7%. Nơi làm việc, theo nữ công nhân mặc dù ít nam giới nhưng vì có cơ hội gặp nhau hàng ngày, nên cũng là một trong những nơi nữ công nhân cho rằng dễ tìm bạn trai nhất chiếm 19,3%.

Chia sẻ của nữ công nhân về nơi dễ tìm bạn trai nhất: “Trong các bữa tiệc hay qua mạng internet. Vì mạng internet thì có nhiều người tìm hiểu, cho nên mình có thể lên đó lựa chọn được nhiều người hơn.” [Trường hợp PVS 3, nữ công nhân 24 tuổi, Thanh Hóa].

2.1.3. Đánh giá những khó khăn trong việc kết hôn của nữ công nhân

Bảng 1: Khó khăn trong việc kết hôn chi tiết theo nhóm tuổi của nữ công nhân

Nhóm tuổi Khó khăn	Từ 18 đến 22 tuổi		Từ 23 đến 25 tuổi		26 tuổi trở lên	
	Tần số	Phần trăm (%)	Tần số	Phần trăm (%)	Tần số	Phần trăm (%)
Đi làm xa quê	28	45.9	42	30.0	30	30.3
Kinh tế, thu nhập thiếu thốn, chưa ổn định	57	93.4	95	67.9	80	80.8
Nơi làm việc và khu nhà trọ có ít bạn khác giới	2	3.3	23	16.4	9	9.1
Thời gian làm việc gò bó, tăng ca nhiều	6	9.8	5	3.6	4	4.0
Công việc bận rộn, quá mệt mỏi	10	16.4	18	12.9	12	12.1
Ngại yêu, ngại tìm hiểu bạn khác giới	3	4.9	23	16.4	9	9.1
Có ít mối quan hệ xã hội	9	14.8	17	12.1	13	13.1
Khác	2	3.3			2	2.0
Tổng	61	191.8	140	159.3	99	160.6

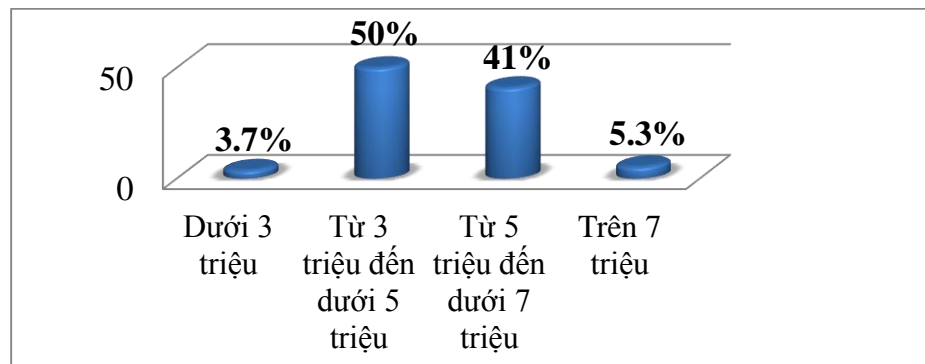
(Nguồn: Câu hỏi có nhiều ý trả lời; Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Dựa vào bảng 1 cho thấy, khó khăn trong việc kết hôn của nữ công nhân ở cả ba nhóm tuổi chủ yếu là vấn đề về kinh tế, thu nhập thiếu thốn, chưa ổn định chiếm tỷ lệ cao nhất. Cụ thể, ở nhóm tuổi từ 18 đến 22 tuổi là 57 trường hợp (93,4%), ở nhóm tuổi từ 23 đến 25 tuổi là cao nhất với 95 trường hợp (67,9%), ở nhóm tuổi từ 26 trở lên là 80 trường hợp (80,8%). Vấn đề đi làm xa quê được nữ công nhân cho rằng gây khó khăn trong việc kết hôn cũng chiếm tỷ lệ khá cao: nhóm tuổi từ 18 đến 22 tuổi chiếm 45,9%, nhóm tuổi từ 23 đến 25 tuổi chiếm 30% và nhóm tuổi từ 26 trở lên chiếm 30,3%.

2.2. Thu nhập và việc làm

2.2.1. Mức lương

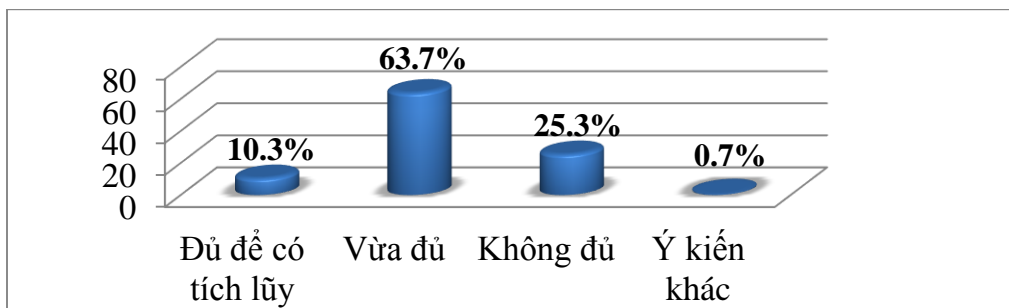
Biểu đồ 6: Mức lương mỗi tháng từ công việc hiện tại của nữ công nhân



(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Theo biểu đồ 6, mức lương mỗi tháng từ công việc hiện tại của nữ công nhân đa số là từ 3 triệu đến dưới 5 triệu, chiếm tỷ lệ cao nhất là 50%. Với mức lương chỉ từ 3 triệu đến dưới 5 triệu đối với một nữ công nhân có thể coi là tạm vừa đủ để chi tiêu trong tháng, nhưng chi tiêu cũng chỉ ở mức dè chừng, tiết kiệm rất nhiều. Với mức lương từ 5 triệu đến dưới 7 triệu chiếm tỷ lệ 41%. Mức lương mỗi tháng dưới 3 triệu chiếm tỷ lệ thấp nhất 3,7%.

Biểu đồ 7: Mức lương hiện nay trong việc chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày



(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

Ở biểu đồ 7, đa số nữ công nhân cho rằng với mức lương như vậy là vừa đủ để trang trải cuộc sống, chiếm tỷ lệ cao nhất với 63,7%. Kế đến, có 25,3% nữ công nhân cho biết với mức lương đó không đủ để trang trải cho cuộc sống. Tỷ lệ nữ công nhân cho rằng mức lương đủ để có tích lũy chỉ chiếm một tỷ lệ không đáng kể (10,3%). Kết quả khảo sát về mức lương của nữ công nhân cho thấy phần lớn công việc hiện tại chỉ đủ đáp ứng nhu cầu hàng ngày chứ chưa đủ để họ có thể tích lũy cho tương lai.

2.2.2. Nguyên nhân chọn công việc hiện tại của nữ công nhân

Bảng 2: Lý do lựa chọn công việc hiện tại của nữ công nhân

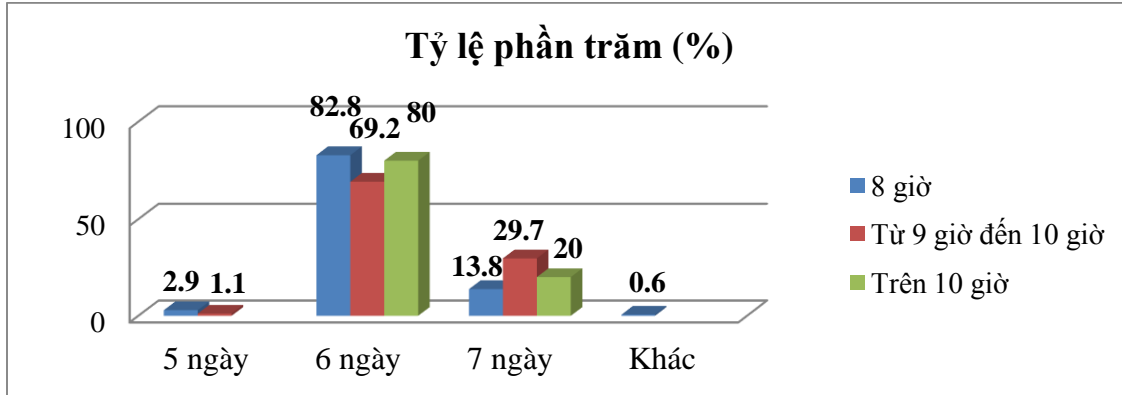
Lý do lựa chọn công việc hiện tại	Tần số	Phần trăm (%)
Có mức lương tốt	92	30.7
Thời gian làm việc phù hợp	159	53.0
Có bạn bè, người quen làm chung	76	25.3
Có cơ hội mở rộng mối quan hệ	22	7.3
Phù hợp với khả năng làm việc	127	42.3
Lý do khác	1	0.3
Tổng	300	159.0

(*Nguồn: Câu hỏi có nhiều ý trả lời; Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Theo số liệu từ bảng 2, lý do nữ công nhân chọn công việc hiện tại là vì thời gian phù hợp và phù hợp với khả năng làm việc chiếm tỷ lệ cao nhất với 53% và 42,3%. Với lý do có cơ hội mở rộng mối quan hệ thì chiếm tỷ lệ rất thấp chỉ có 7,3%. Từ đó cho thấy đa phần nữ công nhân hài lòng với công việc hiện tại, họ không nghĩ mình sẽ có cơ hội tiến xa hơn trong công việc hiện nay của mình.

2.3. Thời gian và môi trường làm việc của nữ công nhân

Biểu đồ 8: Thời gian làm việc trong tuần chi tiết theo số giờ của nữ công nhân



(*Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Theo số liệu từ biểu đồ 8, phần lớn nữ công nhân làm việc 6 ngày trong một tuần, song thời gian làm việc trong một ngày của các nữ công nhân có sự khác nhau. Nữ công nhân làm việc 8 giờ trong một ngày chiếm tỷ lệ cao nhất là 82,8%. Bên cạnh đó, nữ công nhân làm từ 9 giờ đến 10 giờ cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao với 69,2%, trên 10 giờ chiếm tỷ lệ 80%.

Chia sẻ của nữ công nhân về việc tăng ca:

“Có, tôi có tăng ca, tôi tăng ca để kiếm thêm thu nhập. Vì sau giờ làm việc chính tôi cũng không làm gì thêm nên tăng ca để kiếm thêm thu nhập.” [Trường hợp PVS 5, nữ công nhân 24 tuổi]

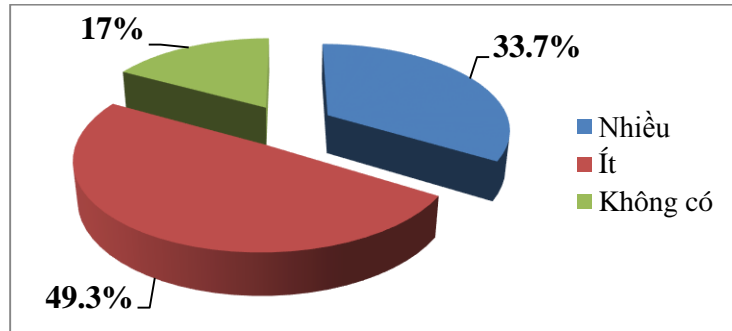
Một nữ công nhân may đã cho chúng tôi biết: *“Chúng tôi làm hơn 9 giờ đêm mới về đến nhà, lúc đó chỉ muốn ăn xong là đi ngủ liền để lấy lại sức khoẻ mai đi làm tiếp. Việc tăng ca về trễ không chỉ riêng tôi đâu mà hầu hết nữ công nhân ở khu chế xuất này đều chung một nhịp sống như thế.”* [Trường hợp PVS 4, nữ công nhân 23 tuổi, Thanh Hóa]

Tóm lại, nữ công nhân nào đã tìm được tình yêu và kết hôn có thể được xem là những người rất may mắn và hạnh phúc. Bởi vì, hầu hết nữ công nhân khác còn lại trong mẫu đều đang gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề tìm kiếm hạnh phúc riêng. Có rất nhiều nguyên nhân gây nên sự khó khăn này, nhưng có một khó khăn không thể không nhắc đến chính là do nữ công nhân phải dành quá nhiều thời gian cho công việc mưu sinh.

2.4. Tỷ lệ nam nữ tại nơi làm việc và khu nhà trọ

2.4.1. Tỷ lệ nam nữ tại nơi làm việc

Biểu đồ 9: Đánh giá của nữ công nhân về số lượng nam tại nơi làm việc



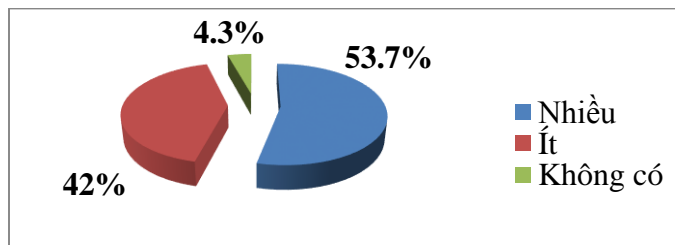
(*Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Bên cạnh áp lực về thời gian làm việc, một yếu tố mất cân bằng giới tính nam – nữ ở nơi làm việc cũng đang gây ra một khó khăn rất lớn trong việc kết hôn của nữ công nhân. Theo như bảng số liệu từ biểu đồ 9, đa số nữ công nhân cho rằng số lượng nam tại nơi làm việc là rất ít chiếm tỷ lệ cao nhất với 49,3%. Với số lượng nam như vậy, cơ hội để nữ công nhân có thể gặp gỡ giao lưu tìm hiểu hầu như là rất thấp, thậm chí là không có. Trong khi đó, nơi làm việc lại là nơi có môi trường gặp gỡ hằng ngày, nữ công nhân sẽ có nhiều cơ hội giao tiếp với nam giới ở chính nơi làm việc hơn.

Tìm hiểu nguyên nhân vì sao công ty nữ công nhân đang làm việc lại có quá ít nam công nhân thì chúng tôi đã nhận được rất nhiều ý kiến chia sẻ của họ như sau: “*Do đặc tính công việc của công ty may là trong công việc đòi hỏi người công nhân phải tỉ mỉ, chịu khó và chịu tăng ca nhiều nên công việc này không thích hợp với nam*”. [Trường hợp PVS 4, nữ công nhân 23 tuổi, Thanh Hóa]

2.4.2. Tỷ lệ nam nữ tại khu nhà trọ

Biểu đồ 10: Đánh giá của nữ công nhân về số lượng nam tại khu nhà trọ



(*Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Theo biểu đồ 10, không giống như ở nơi làm việc, nữ công nhân cho rằng tại khu nhà trọ có nhiều nam giới, chiếm tỷ lệ cao nhất với 53,7%, nhưng vẫn có khá nhiều ý kiến cho rằng số lượng nam ở chỗ trọ ít với 42%. Qua đó có thể cho thấy mất cân bằng giới tính là nguyên nhân cốt lõi nhất dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm bạn khác giới để kết hôn của nữ công nhân.

2.5. Các mối quan hệ xã hội của nữ công nhân

2.5.1. Mối quan hệ với những người xung quanh của nữ công nhân

Kết quả khảo sát từ bảng 3 cho thấy, nữ công nhân thiết lập mối quan hệ với những người xung quanh thông qua vài người quen trong dãy nhà trọ, nơi làm việc chiếm tỷ lệ cao nhất với 55,3%. Mạng internet cũng là một cách để nữ công nhân thiết lập mối quan hệ xã hội được lựa chọn với tỷ lệ tương đối 44,3%.

Bảng 3: Hình thức thiết lập mối quan hệ với những người xung quanh của nữ công nhân

Các hình thức	Tần số	Phần trăm (%)
Thông qua mạng Internet	133	44.3
Qua vài người quen trong dãy nhà trọ, nơi làm việc	166	55.3
Qua một số chương trình trên Tivi, Radio	23	7.7
Qua các hoạt động giao lưu tại nơi làm việc	107	35.7
Qua sự giới thiệu của đồng hương	86	28.7
Ý kiến khác	7	2.3
Tổng	300	174.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

2.5.2. Mức độ giao tiếp với nam giới của nữ công nhân

Bảng 4: Mức độ gặp gỡ và giao tiếp với nam giới của nữ công nhân

Mức độ	Mức độ gặp gỡ và giao tiếp với nam giới					
	Tại nơi làm việc		Tại khu nhà trọ		Với nam đồng hương	
	Tần số	Phần trăm (%)	Tần số	Phần trăm (%)	Tần số	Phần trăm (%)
Thường xuyên	73	24.3	136	45.3	26	8.7
Thỉnh thoảng	149	49.7	133	44.3	181	60.3
Hiếm khi	54	18.0	5	1.7	47	15.7

Không bao giờ	24	8.0	26	8.7	46	15.3
Tổng	300	100.0	300	100.0	300	100.0

(*Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Từ bảng 4 cho thấy, mức độ gặp gỡ và giao tiếp với nam giới tại nơi làm việc, tại khu nhà trọ và với nam đồng hương của nữ công nhân đều có mức độ giống nhau, chỉ ở mức độ thỉnh thoảng (chiếm tỷ lệ cao nhất với 49,7%, 44,3% và 60,3%). Bên cạnh đó, nữ công nhân có mức độ thường xuyên gặp gỡ và giao tiếp với nam giới tại khu nhà trọ cũng chiếm tỷ lệ khá cao (45,3%). Tuy nhiên, họ vẫn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đối tượng kết hôn từ các mối quan hệ này.

Nữ công nhân chia sẻ thêm: “*Công ty của tôi hầu hết là nữ, chỉ có một vài nam thanh niên đứng máy. Vì thế, chúng tôi có muốn tiếp xúc với nam giới để mà nói chuyện và tìm hiểu thì cũng biết tìm đâu ra.*” [Trường hợp PVS 4, nữ công nhân 23 tuổi, Thanh Hóa]

2.5.3. Mục đích giao tiếp với nam giới của nữ công nhân

Bảng 5: Mục đích giao tiếp với nam giới chi tiết theo nhóm tuổi của nữ công nhân

Mục đích giao tiếp với nam giới	Nhóm tuổi					
	Từ 18 đến 22 tuổi		Từ 23 đến 25 tuổi		26 tuổi trở lên	
	Tần số	Phần trăm (%)	Tần số	Phần trăm (%)	Tần số	Phần trăm (%)
Xã giao	34	55.7	64	45.7	52	52.5
Trao đổi công việc	27	44.3	49	35.0	51	51.5
Kết thân	8	13.1	43	30.7	30	30.3
Trò chuyện tâm sự	11	18.0	31	22.1	24	24.2
Tạo mối quan hệ rộng	19	31.1	34	24.3	9	9.1
Khác			1	0.7		
Tổng	99	162.3	222	158.6	166	167.7

(*Nguồn: Câu hỏi có nhiều ý trả lời; Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Nhìn chung, từ bảng 5 cho thấy, mục đích giao tiếp với nam giới của nữ công nhân qua từng nhóm tuổi chủ yếu chỉ là để xã giao. Cao nhất là ở nhóm tuổi 18 đến 22 tuổi với

mục đích giao tiếp chỉ để xã giao chiếm tới 55,7%, ở nhóm tuổi 23 đến 25 là 45,7% và nhóm tuổi 26 tuổi trở lên chiếm 52,5%. Mục đích chiếm tỷ lệ cao tiếp theo của cả ba nhóm tuổi là trao đổi công việc (44,3%, 35% và 51,5%). Như vậy có thể thấy, mục đích giao tiếp với nam của nữ công nhân đã cho thấy một trở ngại khá lớn trong việc tìm kiếm đối tượng kết hôn. Bởi nếu nữ công nhân và nam giới xung quanh gặp gỡ và giao tiếp với mục đích này thì khả năng và cơ hội mở rộng mối quan hệ ở mức thân thiết hơn sẽ rất khó.

2.5.4. Hoạt động cuối tuần của nữ công nhân

Qua kết quả khảo sát tại bảng 6 cho thấy, ngày cuối tuần, đa số nữ công nhân chủ yếu là ở phòng nghỉ ngơi chiếm tỷ lệ cao nhất 64,7%. Kế đến, tỷ lệ nữ công nhân đi chơi trong những cuối tuần cũng có tỷ lệ tương đối cao với 47%. Kết quả khảo sát cho thấy, nữ công nhân sau một tuần làm việc, đa số họ chỉ dành ngày cuối tuần của mình vào việc nghỉ ngơi để phục hồi sức khỏe chuẩn bị cho một tuần công việc kế tiếp.

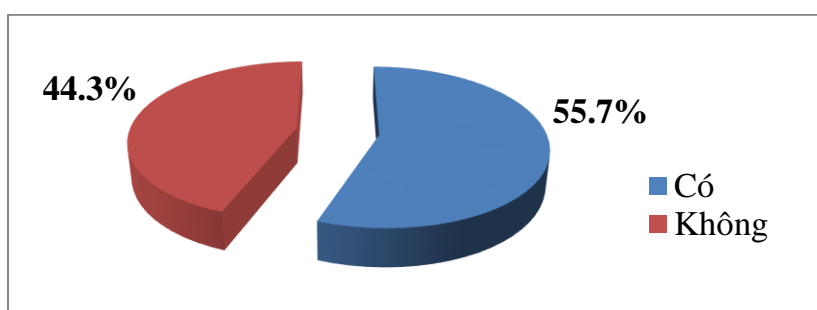
Bảng 6: Hoạt động cuối tuần của nữ công nhân

Các tiêu chí	Tần số	Phần trăm (%)
Tranh thủ làm thêm	39	13.0
Ở phòng nghỉ ngơi	194	64.7
Đi chơi	141	47
Tụ tập ăn nhậu cùng bạn bè	56	18.7
Đi mua sắm, làm đẹp	48	16
Tham gia các hoạt động do phường hoặc công ty tổ chức	17	5.7
Chơi một môn thể thao nào đó	16	5.3
Ý kiến khác	9	3.0
Tổng	300	173.3

(Nguồn: Câu hỏi có nhiều ý trả lời; Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016)

2.6. Một số hỗ trợ từ công đoàn

Biểu đồ 11: Công đoàn tại nơi làm việc tổ chức các hoạt động giao lưu, giải trí



(*Nguồn: Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Theo biểu đồ 11 cho thấy, công đoàn trong các công ty hiện nay đã và đang quan tâm đến đời sống vật chất cũng như tinh thần cho công nhân, có 55,7% nữ công nhân cho rằng các công đoàn tại nơi làm việc tổ chức các buổi hoạt động giao lưu, giải trí cho họ. Việc chăm sóc quyền lợi cho nữ công nhân là một trong những trách nhiệm mà công đoàn phải làm, đem lại quyền lợi cho công nhân cũng đồng nghĩa với việc đem lại quyền lợi cho công ty đó. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều nữ công nhân chia sẻ công đoàn tại công ty không tổ chức hoặc ít tổ chức các buổi hoạt động giao lưu, giải trí cho công nhân chiếm tới 44,3%.

Bảng 7: Mong muốn của nữ công nhân về các chính sách hỗ trợ từ nơi làm việc của Công đoàn và công ty về vấn đề kết hôn

Tiêu chí mong muốn	Tần số	Phần trăm (%)
Cải thiện tỷ lệ nam nữ tại nơi làm việc	95	31.7
Hỗ trợ nhiều hơn về thu nhập cá nhân	199	66.3
Tạo nhiều hoạt động giao lưu, giải trí bổ ích	93	31.0
Hỗ trợ tìm nhà trọ gần nơi làm việc, phù hợp với nhu cầu sống	94	31.3
Ý kiến khác	4	1.3
Tổng	300	161.7

(*Nguồn: Câu hỏi có nhiều ý trả lời; Kết quả khảo sát về việc kết hôn của nữ công nhân nhập cư tháng 4/2016*)

Nhìn vào bảng 7 cho thấy, mong muốn của nữ công nhân về các chính sách hỗ trợ từ nơi làm việc của công đoàn và công ty phần lớn đó là hỗ trợ nhiều hơn về thu nhập cá nhân với 66,3% và cải thiện tỷ lệ nam nữ tại nơi làm việc cũng là một trong những mong muốn của công nhân chiếm 31,7%.

Như vậy, hầu hết công đoàn tại các công ty nơi nữ công nhân đang làm việc chỉ đang nỗ lực thực hiện việc chăm lo về mặt đời sống vật chất, còn về khía cạnh đời sống tinh cảm và hôn nhân của nữ công nhân thì công đoàn vẫn chưa có điều kiện quan tâm nhiều.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Quan niệm về hôn nhân của nữ công nhân

Xu hướng kết hôn muộn của thanh niên hiện nay để ổn định công việc và cuộc sống cũng thể hiện khá rõ trong quan niệm về độ tuổi kết hôn của nữ công nhân.

Với nữ công nhân, mạng Internet và nơi làm việc được cho là nơi dễ tìm bạn trai nhất. Khó khăn gây trở ngại hàng đầu đối với nữ công nhân trong việc tìm kiếm đối tượng kết hôn là vấn đề về kinh tế, thu thập thiếu thốn, chưa ổn định.

1.2. Thu nhập và mức sống của nữ công nhân

Công việc được nhiều nữ công nhân lựa chọn hiện nay là những công việc có tính chất nhẹ nhàng, phù hợp với khả năng của họ như may mặc, dệt da. Do tính chất và môi trường làm việc hiện nay, nữ công nhân lựa chọn ít có cơ hội thăng tiến trong công việc cũng như tiếp xúc với bạn khác giới.

Với thu nhập từ công việc hiện tại, đa số nữ công nhân nhập cư chỉ vừa đủ để trang trải cuộc sống. Tuy thu nhập hiện tại của nữ công nhân đã được cải thiện nhưng mong muốn được tăng lương nhằm có điều kiện tích lũy tốt hơn cho cuộc sống đặc biệt là ổn định được cuộc sống gia đình sau khi kết hôn là mong ước lớn nhất hiện nay của rất nhiều nữ công nhân.

1.3. Thời gian và môi trường làm việc của nữ công nhân

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết nữ công nhân đang làm việc tại các công ty thuộc khu chế xuất đang phải chịu áp lực về thời gian rất lớn. Ngoài ra, việc tăng ca cũng đồng thời là tăng thu nhập nên hầu hết nữ công nhân đều dành rất nhiều thời gian cho công việc mưu sinh của mình. Với thời gian làm việc và nếu phải tăng ca thường xuyên như vậy, nữ công nhân sẽ không có thời gian tìm kiếm, tìm hiểu, gặp gỡ bạn khác giới để kết hôn.

1.4. Tỷ lệ nam nữ và mối quan hệ xã hội của nữ công nhân

Về sự phân bố tỷ lệ nam nữ tại nơi nữ công nhân đang làm việc, sự chênh lệch về giới tính quá lớn đang dẫn đến một thực trạng là rất nhiều nữ công nhân không tìm được đối tượng để kết hôn.

Về sự phân bố nam nữ tại các khu nhà trọ và nam cùng quê có sự đồng đều hơn và cơ hội để kết bạn khác giới cũng thuận lợi hơn. Tuy nhiên, nữ công nhân cần phải có thêm các yếu tố thuận lợi của bản thân như ngoại hình, khả năng giao tiếp, nhiều thời gian rảnh rỗi thì mới có nhiều cơ hội giao lưu và tìm kiếm bạn khác giới từ khu phố trọ và người cùng quê.

Về việc thiết lập mối quan hệ xã hội hiện nay, đa số nữ công nhân chọn mạng Internet (Facebook, Zalo, Viber...) là những nơi dễ dàng tìm bạn trai nhất. Tuy nhiên, khó khăn của nữ công nhân trong việc tạo dựng mối quan hệ này đó chính là việc tiếp xúc với những con người thật và quan hệ xã hội thật nhằm có thể tìm hiểu và đánh giá chính xác về các mối quan hệ này.

Hầu hết nữ công nhân đều cho rằng tổ chức công đoàn đã chú trọng đến việc chăm lo đời sống vật chất cho người lao động nhằm giảm bớt phần nào khó khăn về đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân, còn chuyện khó khăn của nữ công nhân trong việc tìm kiếm đối tượng để yêu và kết hôn thì tổ chức Công đoàn công ty chưa giúp gì được.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với các công ty, tổ chức công đoàn

- Các công ty cần xây dựng một mức lương cơ bản hợp lý để công nhân có điều kiện sống tốt hơn và có tích lũy riêng cho mình nhằm đảm bảo cuộc sống đặc biệt là cuộc sống sau khi đã kết hôn.

- Các tổ chức đoàn hội, công đoàn của các công ty nên thành lập các câu lạc bộ giao lưu kết bạn, thường xuyên tổ chức các hoạt động giải trí cho công nhân nữ, đặc biệt là sau giờ làm việc nhằm cải thiện đời sống tinh thần và mở rộng các mối quan hệ xã hội của nữ công nhân, giúp họ tìm kiếm thêm nhiều cơ hội kết bạn khác giới.

2.2. Đối với nữ công nhân

- Nữ công nhân nên tự tổ chức các buổi sinh hoạt giao lưu với nhau, tự tìm kiếm và mở rộng các mối quan hệ xã hội cho bản thân mình.

- Nữ công nhân cần phải biết tự cân đối giữa công việc và cuộc sống riêng tư, cố gắng sắp xếp công việc để có thêm nhiều thời gian rảnh rỗi mà chăm lo hạnh phúc riêng cho bản thân.

- Các nữ công nhân trong quá trình làm việc cần cố gắng tích lũy nguồn vốn cho bản thân để đảm bảo cuộc sống cho mình, đồng thời sẽ giúp cho cuộc sống ổn định, bền vững hơn sau khi xây dựng đời sống gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luận văn, sách tham khảo

1. AAV – Nghiên cứu tổng quát của Tổ chức AAV về những thực tế khắc nghiệt mà các lao động nữ di cư phải đối mặt ở Việt Nam (2012), *Phụ nữ di cư trong nước – Hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội*, NXB Luck House Graphics.
2. Vũ Cao Đàm (2012), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Lê Ngọc Hùng (2002), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Thu Hồng, *Hạnh phúc của phụ nữ lao động*.
5. Vũ Quang Hà (2002), *Các lý thuyết xã hội học*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
6. Phạm Duy Khánh, *Tìm hiểu nhu cầu bạn khác giới và định hướng hôn nhân của nữ công nhân nhập cư*.
7. Mai Thị Kim Khánh (2004), *Khảo sát thái độ, nhận thức của sinh viên về hôn nhân, Thành phố Hồ Chí Minh*.
8. Nguyễn Hữu Minh (2007), *Tuổi kết hôn ở Việt Nam và các yếu tố tác động*, Viện Gia đình và Giới.
9. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu SPSS*, trường Đại học Kinh tế TP.HCM, NXB Hồng Đức.

Internet

10. Luận văn Di động xã hội của nữ công nhân trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở khu công nghiệp Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh [trực tuyến]. *Zun.VN*, www.zun.vn/tai-lieu/luan-van-di-dong-xa-hoi-cua-nu-cong-nhan-trong-cac-doanh-nghiep-co-von-dau-tu-nuoc-ngoai-o-khu-cong-nghiep-tan-binh-10438/ [Truy cập ngày 16/03/2016]., 17/10/2013